TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/02/2020.

V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Minh.**

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim N,** sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: 72/7 đường 23 khu phố 4, phường TML, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn M,** sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: 72/7 đường 23 khu phố 4, phường TML, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị N, anh M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 25 tháng 11 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N, trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn M chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, ghen tuông vô cớ. Chị và anh M sống ly thân được hơn một năm. Nay chị xin được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 20/12/2003 và Phạm Tuyết M1, sinh ngày 01/7/2007, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, theo anh giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có phát sinh mâu thuẫn gì, anh có chơi cờ bạc nhưng vẫn làm ăn, chăm lo cho vợ con, vì thương vợ con nên anh có ghen tuông, hiện nay vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, không có sống ly thân. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 02 con chung đúng như chị N đã trình bày. Nay nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh M, giao 02 con Phạm Tuấn K, sinh ngày 20/12/2003 và Phạm Tuyết M1, sinh ngày 01/7/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị N chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. về tài sản chung: Không yêu càu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn M đăng ký tạm trú tại ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định là "Ly hôn"

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim N, xét thấy:

Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, chị N và anh M chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, hay ghen tuông vô cớ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh ở địa phương nơi anh M, chị N sinh sống, kết quả thể hiện ở địa phương anh M thường xuyên cờ bạc, hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn, điều này phù hợp với lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn chị N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa chị N và anh M đã trầm trọng, trong khoảng thời gian phát sinh mâu thuẫn chị N và anh M không có giải pháp tháo gỡ những bất đồng, mâu thuẫn nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, khả năng đoàn tụ là không có, nhằm để giải phóng tình cảm cho nhau, Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh M thừa nhận có chơi cờ bạc, ghen tuông, nhưng hiện nay không còn cờ bạc nữa, anh cam kết chăm sóc tốt cho vợ con, anh có nguyện vọng được đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ sự tự nguyện của hai

phía, nay anh M yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh M.

Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 20/12/2003 và Phạm Tuyết M1, sinh ngày 01/7/2007. Xét thấy hai con chung Phạm Tuấn K và Phạm Tuyết M1 có nguyện vọng được sống với chị N, chị N có yêu cầu được nuôi hai con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 20/12/2003 và Phạm Tuyết M1, sinh ngày 01/7/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị Kim N được ly hôn anh Phạm Văn M.

3. Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Tuyết M1, sinh ngày 01/7/2007 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20/12/2003 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N chịu 300.000đồng, chị N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01532 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí..

4. Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn